

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2025

“V/v Kiện xin ly hôn và con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Tuấn Anh
- Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi; là thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “Kiện xin ly hôn và con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXX-ST ngày 27/8/2025 và quyết định hoãn phiên toà số 69/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T - Sinh năm 1982 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số B P, phường T, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Bà Trương Thị Bích T1- Sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B P, phường T, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Tôi và bà Trương Thị Bích T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 28/5/2007.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với bà Trương Thị Bích T1.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/12/2008; Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/03/2013. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng với tôi. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trương Thị Bích T1 cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Trương Thị Bích T1 theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng bà Trương Thị Bích T1 đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Minh T. Ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Trương Thị Bích T1.

Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Trương Thị Bích T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/12/2008; Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/03/2013. Giao 02 con chung cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 28/5/2007 ông Nguyễn Minh T và bà Trương Thị Bích T1 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình điều tra ông Nguyễn Minh T xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên đã sống ly thân nhau. Do đó ông Nguyễn Minh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trương Thị Bích T1.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Trương Thị Bích T1 có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau, nay ông Nguyễn Minh T xin được ly hôn với bà Trương Thị Bích T1, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Trương Thị Bích T1 không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của ông Nguyễn Minh T xin ly hôn với bà Trương Thị Bích T1 là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Trương Thị Bích T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/12/2008; Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/03/2013 các cháu đều có nguyện vọng ở với ông Nguyễn Minh T do đó cần chấp nhận giao 02 con chung cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Bà Trương Thị Bích T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Minh T. Ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Trương Thị Bích T1

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 10/12/2008 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/03/2013 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà Trương Thị Bích T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/0000276 ngày 08/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1- Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Tân Hòa,
tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Kiên

